

Bản án số: **64/2017/DSST**
Ngày: 26/9/2017

V/v tranh chấp: “Xác định QSH đối với tài sản, chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Tám**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **26** tháng **9** năm **2017** tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số **55/2017/TLST-DS** ngày **30/3/2017** về tranh chấp: “Xác định quyền sở hữu tài sản và chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **72/2017/QĐXXST-DS** ngày **21/8/2017** giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trường A**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thị xã C, Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thị xã C, Tiền Giang.

2. **Ngân hàng N**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc K**, chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh N**, Giám đốc chi nhánh. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/3/2017 của bà Dương Thị T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Văn D, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Thị T trình bày:

Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn L chung sống vợ chồng từ năm 1977, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, giữa bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Thị D, Nguyễn Trường A.

Ngày 31/12/2016 ông Nguyễn Văn L chết, không để lại di chúc. Tài sản chung của vợ chồng bà T, ông L gồm có số tiền gửi 02 sổ tiết kiệm với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn L đứng tên gửi tại Ngân hàng N, chi nhánh thị xã C. Sau khi ông L chết, thì Nguyễn Trường A quản lý 02 sổ tiết kiệm trên. Bà Dương Thị T yêu cầu anh Nguyễn Trường A đem ra rút tiền để chia nhưng Nguyễn Trường A không đồng ý và đòi hưởng thừa kế hết. Ngoài ra, vợ chồng bà T, ông L còn tạo lập được một số tài sản là nhà, quyền sử dụng đất nhưng bà T không yêu cầu chia trong vụ án này.

Nay bà Dương Thị T yêu cầu:

- Xác định số tiền 2.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N, chi nhánh thị xã C là tài sản chung của vợ chồng bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn L.

- Yêu cầu chia cho bà $\frac{1}{2}$ là 1.000.000.000 đồng; còn lại 1.000.000.000 đồng là di sản của ông Nguyễn Văn L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho bà $\frac{1}{3}$ mỗi người là 333.333.000 đồng.

* Bị đơn Nguyễn Trường A trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Dương Thị T về di sản thừa kế và hàng thừa kế, ông đồng ý chia thừa kế.

* Người qó quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954, CMND số 310223395 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/01/1994 có gửi tại Ngân hàng như sau:

1. Sổ TK CKH 06 tháng, lĩnh lãi hàng tháng: Số sổ AB00004237357. Số dư là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), ngày mở 22/12/2016, ngày đến hạn 22/6/2017. Lãi suất 5%/năm từ ngày 22/12/2016 đến ngày 22/6/2017; lãi suất 0,3%/năm từ ngày 23/6/2017 đến ngày tắt sổ tiết kiệm. Đối với số tiền này, ông Nguyễn Văn L chưa lĩnh lãi.

* Sổ TK CKH 12 tháng, lĩnh lãi hàng tháng; Số sổ AB00000569426, số dư là 1.200.000.000 đồng, ngày mở 15/6/2015 ngày đến hạn: 15/6/2016, lãi suất 5,4%/năm. Số tiền lãi khách hàng đã lĩnh là 64.800.000 đồng. Sau đó, tiếp tục gia hạn gốc 01 kỳ từ ngày 15/6/2016 đến ngày 15/6/2017, lãi suất là 6%/năm từ ngày 15/6/2016 đến ngày 15/6/2017; lãi suất 0,3%/năm từ ngày 15/6/2017 cho đến ngày tắt sổ tiết kiệm. Khách hàng đã lĩnh lãi từ ngày 15/12/2016 với số tiền 36.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn Nguyễn Trường A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh A, chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn L chung sống vợ chồng từ năm 1977, không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn L được xác lập trước trước ngày 03/01/1987. Trường hợp này, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANĐTC-VKSNTC-BTP ngày 03/1/2001 thì được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình sống chung, giữa bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Thị D, Nguyễn Trường A. Cha ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị N đã mất. Ngày 31/12/2016 ông Nguyễn Văn L mất vì tai nạn giao thông, khi mất ông L không để lại di chúc,

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông L theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 là bà Dương Thị T, anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị D.

[2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D là đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị T yêu cầu xác định số tiền 2.000.000.000 đồng là tài sản chung, yêu cầu chia cho bà T 1/2 của số tiền 2.000.000.000 đồng là 1.000.000.000 đồng, số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại chia đều làm 03 phần gồm bà T, anh A và chị D. Đối với số tiền lãi chưa lĩnh, thì ông Nguyễn Văn D yêu cầu chia đều cho bà T, anh A và chị D. Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp, nên việc bà Dương Thị T yêu cầu xác định số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn L gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N là tài sản chung của bà T, ông L và yêu cầu chia cho bà T 1/2 của số tiền 2.000.000.000 đồng là 1.000.000.000 đồng, là phù hợp Điều 27, Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với số tiền lãi phát sinh từ số tiền 2.000.000.000 đồng gửi tiết kiệm mà ông L chưa lĩnh: ông Nguyễn Văn D, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Thị T đồng ý chia đều cho bà T, anh A và chị D là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L để lại theo Điều 634 Bộ luật dân sự năm 2005 là số tiền 1.000.000.000 đồng và khoản tiền lãi chưa lĩnh của số tiền 2.000.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi của khoản tiền tiết kiệm được tính như sau:

- Số tiền 800.000.000 đồng:

- + Từ ngày 22/12/2016 đến ngày 22/6/2017 là 06 tháng với mức lãi suất 5%/năm thì tiền lãi là 20.000.000 đồng.

- + Từ ngày 23/06/2016 đến ngày 23/9/2016 là 03 tháng, lãi suất 0,3%/năm thì tiền lãi là 600.000 đồng.

- Số tiền 1.2000.000.000 đồng:

+ Từ ngày 15/12/2016 đến 15/6/2017 là 06 tháng với mức lãi suất 6%/năm thì tiền lãi là 36.000.000 đồng.

+ Từ ngày 15/6/2017 đến ngày 25/9/2017 là 03 tháng 10 ngày với mức lãi suất là 0,3%/năm thì tiền lãi là 1.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 57.000.000 đồng.

Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L gồm 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 57.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.057.000.000 đồng. Chia đều cho 3 kỷ phần thì mỗi kỷ phần là 352.333.333 đồng. Như vậy, bà Dương Thị T được chia số tiền 1.352.333.333 đồng; anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị D mỗi người được chia 352.333.333 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

Về án phí: Bà Dương Thị T phải nộp số tiền 52.570.000 đồng dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp án phí 17.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 219, 224, 631, 634, 635, 638, 653, 733 và Điều 734 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 31, 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

- Xác định số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn) theo 02 số tiết kiệm số AB00004237357 ngày 22/12/2016 và số AB00000569426 ngày 15/6/2015 tại Ngân hàng N mang tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1954, số CMND 310223395 do Công an Tiền Giang cấp ngày 10/01/1994 là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị T.

- Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L để lại là $\frac{1}{2}$ số tiền 2.000.000.000 đồng của số tiết kiệm số AB00004237357 ngày 22/12/2016 và số AB00000569426 ngày 15/6/2015 tại Ngân hàng N là 1.000.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi chưa lĩnh của số tiền 2.000.000.000 đồng theo 02 số tiết kiệm số AB00004237357 ngày 22/12/2016 và số AB00000569426 ngày 15/6/2015 tại Ngân hàng N 57.000.000 đồng. Tổng cộng di sản của ông Nguyễn Văn L để lại là 1.057.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Chia cho bà Dương Thị T số tiền 1.352.333.333 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Chia cho anh Nguyễn Trường A số tiền 352.333.333 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Chia cho chị Nguyễn Thị D số tiền 352.333.333 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Bà Dương Thị T, anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị D có quyền liên hệ với Ngân hàng N để thực hiện quyền sở hữu đối với số tiền được hưởng thừa kế theo nội dung quyết định này.

- Về án phí: Bà Dương Thị T phải nộp 52.570.000 đồng dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 26.300.000 đồng theo biên lai thu số 0000658 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, nên còn phải nộp 26.270.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trường A và chị Nguyễn Thị D phải nộp mỗi người 17.617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Anh Nguyễn Trường A, chị Nguyễn Thị D và Ngân hàng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm